TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST
Ngày: 06 - 7 - 2023
V/v: "Tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Pham Minh Q.

2. Ông Huỳnh Văn T.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/TLST-DS ngày 26/4/2023 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXX-DS ngày 31/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N .

Địa chỉ: số 18, đường T, xã M, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Hoàng M - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N. (Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Địa chỉ liên lạc: 453, đường N, khóm Đ, thị trấn N, huyện T , tỉnh A .

2. Bị đơn: ông Huỳnh Văn H , sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp S, xã V , huyện T , tỉnh A .

(Đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 07/3/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Ngày 24/3/2021, ông Huỳnh Văn H có đến Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T ký Hợp đồng tín dụng số 6710-LAV-202100601 để vay số tiền 120.000.000 đồng; khi vay không thế chấp tài sản. Mục đích sử dụng: mua sắm vật dụng sinh hoạt. Thời hạn vay: 84 tháng; định kỳ trả gốc, lãi hàng tháng vào ngày 15; hạn trả cuối cùng ngày 15/3/2028. Đến kỳ hạn trở nợ, ông H không thực hiện việc trả gốc, lãi đúng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng đã khởi kiện ông H đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, tính ngày 04/7/2023 ông H đã trả gốc, lãi là 61.890.133 đồng (gốc 39.500.000 đồng, lãi 22.390.133 đồng). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở việc trả nợ nhưng ông H vẫn không thực hiện đúng thỏa thuận.

Nay, Ngân hàng N yêu cầu ông Huỳnh Văn H phải trả ngay số tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 88.412.801 đồng, (gốc 80.500.000 đồng, lãi 7.912.801 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại tờ tự khai ngày 25/5/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày: ông H thừa nhận ngày 24/3/2021, ông có đến Ngân hàng N - Chi nhánh T ký Hợp đồng tín dụng số 6710-LAV-202100601 để vay số tiền 120.000.000 đồng; khi vay không thế chấp tài sản. Mục đích sử dụng: Mua sắm vật dụng sinh hoạt. Thời hạn vay: 84 tháng, định kỳ trả gốc, lãi hàng tháng vào ngày 15; hạn trả cuối cùng ngày 15/03/2028. Từ khi vay tiền đến tháng 4 năm 2023, ông H đã trả cho Ngân hàng tổng số gốc, lãi là 58.890.133 đồng (gốc 36.500.000 đồng, lãi 22.390.133 đồng. Ông H đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 30/5/2023 là 90.313.699 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên ông H không có khả năng trả 01 lần đủ số tiền này; yêu cầu được trả dần theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa Ngân hàng N với ông Huỳnh Văn H là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Huỳnh Văn H có địa chỉ tại xã V , huyện T , tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bị đơn ông H đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông H

đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Ngân hàng N khởi kiện ông Huỳnh Văn H để yêu cầu trả số tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 88.412.801 đồng (gốc 80.500.000 đồng, lãi 7.912.801 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, ngày 24/03/2021 ông Huỳnh Văn H có đến Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T ký Hợp đồng tín dụng số 6710-LAV-202100601 để vay số tiền 120.000.000 đồng. Mục đích vay là mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn vay: 84 tháng, định kỳ trả gốc, lãi hàng tháng vào ngày 15; hạn trả cuối cùng ngày 15/3/2028; lãi suất vay 13%/năm, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn. Sau khi vay, ông H không thực hiện trả nợ theo đúng phân kỳ của Ngân hàng mà chỉ trả tổng số tiền gốc, lãi tính đến tháng 4 năm 2023 là 58.890.113 đồng (gốc 36.500.000 đồng, lãi là 22.390.113 đồng). Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã trả thêm tiền gốc 3.000.000 đồng (trả ngày 04/7/2023) nên tổng số tiền gốc, lãi ông H đã trả là 61.890.113 đồng (gốc 39.500.000 đồng, lãi 22.390.113 đồng).

[5] Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa Ngân hàng với ông H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông H trả số tiền gốc 80.500.000 đồng và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 88.412.801 đồng (gốc 80.500.000 đồng, lãi 7.912.801 đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Huỳnh Văn H bị buộc trả số tiền trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng N không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 119, 398, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N .

1.1. Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N (do Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T đại diện nhận) tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 88.412.801 đồng (tám mươi tám triệu, bốn trăm mười hai nghìn, tám trăm lẻ một đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Huỳnh Văn H phải chịu 4.420.640 đồng (bốn triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng N không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.256.000 đồng (hai triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0011743, ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A (do Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T đại diện nhận).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H